TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM KHÊ** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do - Hạnh Phúc**
Bản án số: 47/2019/HNGĐ-ST Ngày 12-12-2019 V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ -TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Hán Hưởng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phan Thị Ánh Duyên

2. Ông Nguyễn Văn Trò

- Thư ký phiên toà: Bà Đỗ Thị Thảo - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà: Ông Hoàng Liên Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 157/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2019, về việc: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2019/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị N, sinh năm 1972

Địa chỉ: Khu Đ, xã P, huyệnY, tỉnh Phú Thọ (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Hoàng Văn H, sinh năm 1972

Địa chỉ: Khu C, xã C, huyện C, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 5 năm 2019; tại bản tự khai, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Hoàng Thị N trình bày: Chị và anh Hoàng Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Phú Thọ ngày 26/12/1995. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với bố mẹ đẻ anh H tại xã C. Quá trình chung sống vợ chồng nhiều lần xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm sống, nên thường xuyên xảy ra việc cãi nhau nên chị về nhà bố mẹ đẻ tại xã P, huyện Y, tỉnh Phú Thọ sinh sống từ năm 2008 đến nay, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng; đời sống chung không thể kéo dài; mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn anh H để ổn định cuộc sống.

Về con chung:

Chị N trình bày: Vợ chồng có một con chung là Hoàng Anh T, sinh ngày 23/10/1996; đến nay cháu T đã trưởng thành, lao động tự túc được nên chị không đề nghị giải quyết việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung; Quyền, nghĩa vụ chung về tài sản và công sức: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã báo anh H nhiều lần nhưng anh H không đến Tòa án làm việc, nên Tòa án tiến hành thông tin tìm kiếm anh H trên báo hàng ngày của Trung ương và đài tiếng nói Việt Nam theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị N và anh H tại địa phương xã C thể hiện: Anh chị sau khi kết hôn năm 1996 thì vợ chồng chung sống tại nhà bố mẹ đẻ của anh H; quá trình chung sống vợ chồng nhiều lần xảy ra mẫu thuẫn nên sống ly thân từ năm 2008 đến nay. Chính quyền địa phương xã đề nghị giải quyết yêu cầu xin ly hôn của chị N, cho chị N ly hôn anh H để ổn định cuộc sống.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát viên nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng của vụ án: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng là nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của Pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí tòa án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Hoàng Thị N được ly hôn anh Hoàng Văn H.

V*ề con chung; tài sản chung; quyền, nghĩa vụ chung về tài sản*: Chị N không đề nghị giải quyết nên đề nghị Tòa án không xem xét.

Về án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Chi phí tố tụng: Chị N không đề nghị xem xét nên đề nghị không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét, tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:* Quá trình giải quyết vụ án, anh H vắng mặt; Tòa án đã thực hiện thủ tục niêm yết công khai văn bản tố tụng và thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú trên phương thiện thông tin đại chúng là báo Công lý trên ba số báo ngày 02/10; 04/10 và 09/10/2019 và trên Đài tiếng nói Việt Nam trong ba ngày 03; 04; 05/9/2019 nhưng anh H vẫn không có mặt; nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử là thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2]. *Xét yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị N xin được ly hôn anh Hoàng Văn H thấy rằng:* Chị N và anh H kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Phú Thọ ngày 16/12/1995 không vi phạm điều kiện kết hôn, vì vậy đó là cuộc hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống anh chị đã nhiều lần xảy ra mâu thuẫn; kết quả xác minh tình trạng hôn nhân do Ủy ban nhân dân xã Cấp Dẫn cung cấp thấy rằng: Trong quá trình chung sống vợ chồng chị N và anh H đã nhiều lần xảy ra mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên anh chị đã sống ly thân từ năm 2008 đến nay; vợ chồng không còn quan tâm đến nhau để cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Như vậy, có đủ cơ sở pháp lý

xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, cho chị N được ly hôn anh H để ổn định cuộc sống.

[3]. *Về con chung*: Chị N và anh H có một con chung là Hoàng Anh Tuấn, sinh ngày 23/10/1996. Hiện nay cháu T đã thành niên, lao động tự túc được; chị N không đề nghị giải quyết nuôi con và cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không giải quyết.

[4]. *Về tài sản chung; quyền, nghĩa vụ chung về tài sản và công sức:* Chị N không đề nghị giải quyết nên đề nghị Tòa án không xem xét.

[5]. *Về án phí và chi phí tố tụng:*

Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật số tiền 300.000đồng.

Chị N còn nộp chi phí đăng thông tin tìm kiếm anh H vắng mặt trên báo trung ương và trên đài tiếng nói Việt Nam, nhưng chị N tự nguyện không đề nghị Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho chị Hoàng Thị N được ly hôn anh Hoàng Văn H.

2. *Về con chung; tài sản chung; quyền, nghĩa vụ chung về tài sản và công sức:* Chị N không đề nghị xem xét nên Tòa án không giải quyết.

3. *Về án phí:* Chị N phải nộp số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị N đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 008592 ngày

22/5/2019, của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ; chị N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện Cẩm khê;
- Các đương sự;
- UBND xã C;
- Chi cục THADS huyện Cẩm khê;
- Lưu Hồ sơ;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hán Hưởng